

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST

Ngày 16 - 6 - 2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Kim Phượng.

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thanh Tòng, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trọng Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 23/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2020, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2020/QĐXX-HNGĐ, ngày 13 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đoàn Phước N, sinh năm 1980. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 00, ấp T H T, xã T M, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1981. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 00, ấp T H T, xã T M, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: Số 00, ấp T H Đ, xã T M, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Đoàn Phước N trình bày:

- Về hôn nhân: Anh N với chị T biết nhau do mai mối và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2004. Đến ngày 20 tháng 4 năm 2004, anh N với chị T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Mỹ, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng

Tháp. Sau khi kết hôn, anh N với chị T sống hạnh phúc đến tháng 9 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Nguyên nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn là do ý kiến không hợp nhau, chị T thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm chồng, con. Anh N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để chung sống với chị T được. Nay anh N yêu cầu ly hôn với chị T.

- Về con chung: Anh N với chị T chung sống với nhau có 02 con chung tên Đoàn Phước Hữu T1, sinh ngày 00 tháng 00 năm 2005 và Đoàn Ngọc Tr, sinh ngày 00 tháng 00 năm 2012 (Hai con chung hiện đang sống với anh N). Anh N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Đoàn Phước Hữu T1 và Đoàn Ngọc Tr, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về T1 sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt nhưng có văn bản trình bày ý kiến:

- Về hôn nhân: Chị T đồng ý ly hôn với anh N.

- Về con chung: Chị T đồng ý giao con cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về T1 sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Vò phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ và tiến hành thủ tục đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Anh Đoàn Phước N chấp hành đúng quy định của pháp luật. Riêng chị Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt là chưa tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đoàn Phước N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 30 tháng 12 năm 2019 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp

về ly hôn, nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt không lý do. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Thanh T do chị Nguyễn Thị Thanh T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, việc vắng mặt không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa anh N trình bày, anh N và chị T kết hôn vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Mỹ, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, được công nhận là vợ chồng hợp pháp. Anh N cho rằng cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, do ý kiến không hợp nhau, chị T thường xuyên uống rượu, không chăm lo cho gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được; anh N và chị T đã ly thân từ tháng 9 năm 2019 cho đến nay. Nên anh N yêu cầu được ly hôn với chị T. Chị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong bản trình bày ý kiến thì chị T đồng ý ly hôn với anh N, không thống nhất đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa anh N và chị T không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên công nhận thuận tình ly hôn giữa anh N và chị T là phù hợp Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Anh N và chị T chung sống với nhau có hai có 02 con chung tên Đoàn Phước Hữu T1, sinh ngày 00 tháng 00 năm 2005 và Đoàn Ngọc Tr, sinh ngày 00 tháng 00 năm 2012 (Hiện hai con chung đang sống chung với anh N). Anh N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Theo bản trình bày ý kiến, chị T đồng ý giao con chung tên Đoàn Phước Hữu T1, sinh ngày 00 tháng 00 năm 2005 và Đoàn Ngọc Tr, sinh ngày 00 tháng 00 năm 2012 cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung. Theo bản tường trình ý kiến thì nguyện vọng của cháu T1 và cháu Tr được tiếp tục sống chung với cha. Nên Hội đồng xét xử giao cháu Đoàn Phước Hữu T1, sinh ngày 00 tháng 00 năm 2005 và cháu Đoàn Ngọc Tr, sinh ngày 00 tháng 00 năm 2012 cho anh Đoàn Phước N tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh N, chị T có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Sau khi ly hôn chị T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh N không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về T1 sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N là có căn cứ nên chấp nhận.

[8]. Về án phí hôn nhân và gia đình: Anh N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện ly hôn giữa anh Đoàn Phước N với chị Nguyễn Thị Thanh T.

2. Về con chung: Anh Đoàn Phước N tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Đoàn Phước Hữu T1, sinh ngày 00 tháng 00 năm 2005 và Đoàn Ngọc Tr, sinh ngày 00 tháng 00 năm 2012 (Hiện đang sống với anh N). Chị T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đoàn Phước N, chị Nguyễn Thị Thanh T có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về T1 sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Anh Đoàn Phước N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009136 ngày 13 tháng 01 năm 2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Vò.

5. Quyền kháng cáo: Anh Đoàn Phước N có mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị

Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, huyện;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- THA dân sự huyện;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Phước